

Bản án số: 12/2021/HS-ST

Ngày 19 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đoàn Hùng Tự

Bà: Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Hải V, tên gọi khác: Không, sinh ngày 26 tháng 11 năm 1993, tại huyện H, tỉnh Phú Thọ; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố Phố Cũ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hải N, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1968; Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Vợ, con: Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị Công an thành phố H khởi tố ngày 25/01/2021, **bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2021**, hiện đang giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, bị cáo có mặt.

- Bị hại: Hoàng Văn D, sinh năm 1985, nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Tạm trú tại: Tổ 20 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, **có mặt**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964, nghề nghiệp: Kinh doanh cầm đồ. HKTT: Tổ 18 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, **có đơn xin xét xử vắng mặt**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 9/2020, Nguyễn Hải V được Công ty TNHH xây dựng và thương mại Việt Bảo thuê làm việc và giao phụ trách khoán phần điện, nước tại công trình sửa chữa Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Đến tháng 10/2020, Nguyễn Hải V sử dụng mạng xã hội facebook với tên "Trai Họ Nguyễn" thông báo tìm thợ điện, nước và thuê Hoàng Văn D đến làm cùng.

Khoảng 10 giờ 30 ngày 05/11/2020, Nguyễn Hải V nói với Hoàng Văn D *"Cho em mượn xe máy đi giải quyết công việc dưới Vị Xuyên"*, anh D đồng ý cho V mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Vision, BKS: 23B1-35535, màu sơn: trắng. Khi mượn xe Nguyễn Hải V có hỏi giấy tờ xe vì sợ đi đường xa Công an hỏi giấy tờ và được D nói là giấy tờ để trong cốp xe. Sau đó, Nguyễn Hải V điều khiển chiếc xe mô tô trên đi đến huyện V, tỉnh Hà Giang để giải quyết việc riêng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, V điều khiển xe mô tô về thành phố H, trên đường về do cần tiền tiêu xài nên V đã nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô đã mượn của anh Hoàng Văn D. Nguyễn Hải V điều khiển xe đi đến khu vực tổ 18 phường N, thành phố H, quan sát thấy có quán cầm đồ của bà Nguyễn Thị T nên V vào gặp bà T và nói *"cháu đang có việc gấp, cô cho cháu cầm xe, mai cháu lấy"*, bà T hỏi V *"có việc gì"*, V nói *"con cháu đang nằm viện cần tiền để chuyển viện nên cầm cố xe mô tô của 2 vợ chồng"*. Khi bà T yêu cầu kiểm tra giấy tờ, V lấy trong cốp xe 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Văn D, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Triệu Thị H (là vợ của Hoàng Văn D). Sau khi kiểm tra giấy tờ xe bà T đồng ý cho cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION BKS: 23B1- 355.35 và yêu cầu để lại 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Văn D, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Triệu Thị H và yêu cầu V viết giấy vay tiền với số tiền vay là 10.000.000,đ (*Mười triệu đồng*). Còn giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn D thì V giữ lại sau đó đã làm mất. Khi viết giấy vay tiền, do đang cầm sẵn chứng minh thư và giấy phép lái xe của anh D, Nguyễn Hải V lấy tên và số CMND người vay tiền là Hoàng Văn D để tạo niềm tin cho bà T và dễ dàng hơn trong việc cầm cố tài sản. Sau khi cầm cố được xe, V đi taxi về nơi làm việc gặp Hoàng Văn D, V nói dối D là xe bị va quệt nên bị Công an giữ, khi anh D nhiều lần yêu cầu trả xe, V đã đưa ra nhiều lý do khác nhau để che giấu việc mình đã cầm cố xe mô tô của D. Sau khi nhận được số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) do cầm cố xe V đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 14/11/2020 do không có tiền chuộc xe trả cho D và để trốn tránh việc D đòi xe, Nguyễn Hải V đã bỏ đi khỏi tỉnh Hà Giang mà không báo cho ai biết. Quá trình bỏ trốn, Nguyễn Hải V không cư trú ở đâu cố định, thay đổi số điện thoại và không liên lạc với gia đình, người thân cũng như chủ sở hữu tài sản là Hoàng Văn D. Đến ngày 28/02/2021, sau khi liên lạc với người thân và được biết việc mình đã bị khởi tố hình sự và đang bị truy nã, Nguyễn Hải V đã đến Phòng cảnh sát hình sự Công an thành phố Hà Nội đầu thú.

Tại kết luận định giá tài sản số 79/KL-HĐĐGTS ngày 30/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Vision, BKS: 23B1- 355.35, màu sơn: trắng, số khung: RLHJF5815GY230884, số máy: JF66E-0230708, sử dụng từ tháng 6/2018. Có giá trị còn lại tại thời điểm khảo sát là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn).

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSTPHG ngày 29/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Hải V về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được.

Tại phiên tòa bị hại Hoàng Văn D có ý kiến: Anh đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu đề nghị gì, đề nghị bị cáo phải thanh toán tiền công trong thời gian anh làm thuê cho bị cáo tại công trình sửa chữa Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa bà T trình bày do đã được nhận lại tiền do gia đình bị cáo bồi thường nên không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H sau phân xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hải V về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hải V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải V từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về dân sự: Không

3. Về vật chứng: Không

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với tội danh mà Đại diện VKSND thành phố H đã nêu trong bản luận tội. Không tranh luận với đại diện VKS, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Hải V thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án:

Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình. Bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật để sớm được trở về gia đình, làm người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên của thành phố H, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T nhưng bà T đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn bà có ý kiến không yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo và đã có lời khai tại cơ quan điều tra. HĐXX căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra (BL 105-118, 152-155), phù hợp với lời khai của bị hại (BL 90-95); Đơn xin đầu thú và Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú (BL 27-28); lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL 96-103), cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/11/2020, bị cáo Nguyễn Hải V đã có hành vi mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION biển kiểm soát 23B1- 355.35 của anh Hoàng Văn D sau đó mang cầm cố cho bà Nguyễn Thị T được 10.000.000,đ (Mười triệu đồng) để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi không còn khả năng chuộc lại xe để trả cho anh D bị cáo đã bỏ đi khỏi địa bàn tỉnh Hà Giang và bỏ trốn khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho chủ sở hữu tài sản và không liên lạc gì với gia đình. Giá trị tài sản là chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng). Hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã vi phạm vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS.

Điều 175 Bộ luật hình sự qui định:

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng....."

[4] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Hải V về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều là vi phạm pháp luật và bị xử lý nghiêm minh nhưng vì lợi ích của bản thân, để đáp ứng nhu cầu tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã bất chấp pháp luật. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại Hoàng Văn D khi mượn xe của bị hại để sau đó đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản bằng hình thức mang xe đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô của anh D trị giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Khi biết hành vi của mình bị công an truy tìm bị cáo đã chủ động tác động gia đình liên hệ để bồi thường cho bị hại và tự giác ra đầu thú, do đó HĐXX sẽ xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo khi lượng hình để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Hải V không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 175 BLHS.

[7] Đối với bà Nguyễn Thị T: Là người đã nhận cầm cố chiếc xe máy của bị cáo, tuy nhiên quá trình nhận cầm cố chiếc xe bà T không biết chiếc xe đó là do bị cáo phạm tội mà có, bản thân bà T là người làm kinh doanh dịch vụ cầm đồ, có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 10A8006982 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 03/10/2018 (Thay đổi lần thứ nhất ngày 20/5/2020). Xét thấy hành vi của bà T không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đồng thời việc bà T nhận cầm cố tài sản của bị cáo với lỗi vô ý, tài sản đã được giao cho cơ quan điều tra để xử lý. Vì vậy cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với bà T là có căn cứ.

[8] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do hoảng sợ bị cáo đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, nhưng sau khi biết cơ quan điều tra đang truy tìm và thông qua gia đình bị cáo đã tự giác đến cơ quan điều tra xin đầu thú, vì vậy bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[10] Về vật chứng. Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ và trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 07/QĐ-CQĐT ngày 11/3/2021: Trả lại cho chủ sở hữu là anh Hoàng Văn D 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu sơn trắng, biển kiểm soát 23B1- 355.35, số khung: RLHJF5815GY230884, số máy: JF66E-0230708, xe đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Triệu Thị H; 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Văn D. Sau khi nhận lại chiếc xe và các giấy tờ anh Hoàng Văn D không có ý kiến đề nghị gì, do đó HĐXX không xem xét.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã nhận lại số tiền 10.000.000đ bà đã cho bị cáo vay khi cầm cố chiếc xe và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm; đối với 01 giấy chứng minh nhân dân tên Hoàng Văn D mà bị cáo đã làm mất, anh D không có yêu cầu gì. Đối với đề nghị của anh D về việc yêu cầu bị cáo thanh toán tiền công lao động, tại phiên tòa anh D đã thỏa thuận với bị cáo sau khi bị cáo thi hành xong bản án bị cáo sẽ có trách nhiệm trả cho anh D, do vậy HĐXX không xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 175, Điều 38, khoản 1 Điều 50, các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51BLHS; Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hải V phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải V 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 28/02/2021.

4.Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hải V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố H;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an thành phố H (02 bản);
- Chi cục THADS TPH;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mỹ Lệ